



Số 04 /2010/BC-Cty

Đà Lạt, ngày 12 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009 NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

I/TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009:

Năng lực sản xuất sau đầu tư của Công ty đủ khả năng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, nhưng do tình hình khủng hoảng kinh tế trong 6 tháng đầu năm nhiều doanh nghiệp đã cắt giảm sản xuất và sản xuất cầm chừng, các công trình xây dựng cơ bản ngưng và gián tiến độ thi công. Các doanh nghiệp sản xuất trong nước và nước ngoài sử dụng sản phẩm của LBM cũng ở trong tình trạng trên nên đã hạn chế rất nhiều đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Từ chủ trương, chính sách hỗ trợ và kích cầu của Chính phủ trong 6 tháng cuối năm các doanh nghiệp gốm sứ, ceramic tái lập lại sản xuất, các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, nhất là địa bàn TP Đà Lạt và vùng lân cận đã khởi động thi công trở lại nhưng cũng còn hạn chế về qui mô và số lượng công trình. Mặt khác, giá cả thị trường luôn biến động nhất là giá nhiên liệu, vật tư chuyên dùng, chi phí vận chuyển và tỷ lệ tăng giá cao hơn khi giảm giá. Tính cạnh tranh của thị trường ngày càng quyết liệt hơn về chất lượng sản phẩm, giá cả, phương thức thanh toán... đòi hỏi phải giảm giá bán sản phẩm, tăng thời gian dư nợ và giá trị dư nợ thì mới giữ được khách hàng.

Để khắc phục những khó khăn và bất lợi trong sản xuất kinh doanh, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp, trong đó có biện pháp rà soát các khoản mục chi phí nhất là các khoản mục chi phí có tỷ trọng lớn để có biện pháp tiết kiệm giảm chi phí, hạ giá thành, tăng hiệu quả sản xuất và có điều kiện giảm giá bán tạo khả năng cạnh tranh tăng sản lượng tiêu thụ; tăng cường công tác kiểm tra giám sát và thực hiện nghiêm ngặt quy trình sản xuất, quy trình vận hành thiết bị máy móc nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đã công bố và cam kết với khách hàng, tránh xảy ra sự cố kỹ thuật; thực hiện đa dạng hoá sản phẩm; khắc phục những khiếm khuyết trong đầu tư và điều chỉnh hợp lý nhằm đảm bảo tính đồng bộ các hạng mục đầu tư và nhanh chóng đưa vào vận hành sản xuất; tăng cường công tác thị trường; tạo nguồn đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và vốn cho đầu tư phát triển sản xuất. Hiệu quả sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm tăng hơn 6 tháng đầu năm 2009 (lợi nhuận 6 tháng cuối năm gấp 3 lần so với 6 tháng đầu năm).

1/Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009: (có biểu số liệu kèm theo)

-Doanh thu trước thuế 116.197.390.809 đồng đạt 96,83% kế hoạch năm và tăng 14,88% so với năm trước, trong đó doanh thu xuất khẩu 877.156 USD đạt 58,48% kế hoạch năm và tăng 12,15% so với năm trước.

-Một số sản phẩm: Cao lanh DQK, ống sứ chịu nhiệt, gạch tuynen sản xuất và tiêu thụ không đạt kế hoạch năm Công ty giao, do thị trường tiêu thụ năm 2009 bị hạn chế và có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp sản xuất gạch tuynen. Tuy nhiên hầu hết sản lượng sản phẩm chủ yếu sản xuất và tiêu thụ đều tăng so với năm trước.

-Lợi nhuận trước thuế toàn Công ty 9.522 triệu đồng đạt 95,22% KH năm và tăng 25,24% so với năm trước. Các XN đều có lãi, riêng XN Hiệp An bị lỗ.

-Nộp ngân sách Nhà nước toàn Công ty đạt 7.628.288.383 đồng tăng 2 lần so với năm trước.

2/Tình hình đầu tư phát triển sản xuất:

Năm 2009 Công ty đã và đang triển khai đầu tư các dự án với tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng nhằm tăng năng lực sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm... tạo tiền đề cho phát triển sản xuất kinh doanh năm 2010 và các năm tiếp theo.

2.1/Dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến cao lanh Hiệp Tiến công suất 15.000 tấn/năm đã hoàn thành đưa vào vận hành sản xuất từ tháng 4/2009, vốn quyết toán 19,548 tỷ đồng.

2.2/Dự án đầu tư nhà máy sứ Hiệp An(Đức Trọng) công suất 7.750 tấn/năm sản phẩm sau nung đã hoàn thành đưa vào vận hành sản xuất từ tháng 1/2009, vốn quyết toán 44,056 tỷ đồng.

2.3/Dự án đầu tư đa dạng hoá sản phẩm sau nung công suất 1.250 tấn/năm, đang triển khai – các hạng mục sau đầu tư đã đưa vào vận hành sản xuất - khối lượng đã thực hiện 3,4 tỷ đồng/tổng vốn đầu tư được duyệt 6,873 tỷ đồng.

2.4/Dự án đầu tư mở rộng Trạm trộn bê tông Hiệp Lực nâng công suất lên 90 m³/h, đang triển khai – các hạng mục sau đầu tư đã đưa vào vận hành sản xuất – khối lượng đã thực hiện 6,4 tỷ đồng/tổng vốn đầu tư được duyệt 13,385 tỷ đồng.

2.5/Dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến cao lanh Trại Mát công suất 30.000 tấn/năm với độ ẩm 32-35%, đang triển khai thực hiện – các hạng mục sau đầu tư đã đưa vào vận hành sản xuất – khối lượng đã thực hiện 2,961 tỷ đồng/trên tổng vốn đầu tư được duyệt 6,227 tỷ đồng.

2.6/Dự án đầu tư cải tạo hệ nghiền sàng đá – cát Phân xưởng Cam Ly, triển khai từ tháng 11/2009 đã hoàn thành đưa vào vận hành sản xuất cuối tháng 12/2009. tổng vốn đầu tư được duyệt 2,26 tỷ đồng, đang trình quyết toán để phê duyệt.

2.7/Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất gạch gốm trang trí công suất 800.000kg/năm, tổng vốn đầu tư được duyệt 677 triệu đồng, triển khai từ tháng 11/2009 hiện nay đã đưa vào vận hành sản xuất và đang trình quyết toán để phê duyệt.

3/Tình hình Công ty:

Mô hình tổ chức của Công ty: Công ty đang vận hành sản xuất kinh doanh theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; hiện nay Công ty có 5 Xí nghiệp trực thuộc(Xí nghiệp Xây lắp, Công ty đã đình chỉ hoạt động và hiện nay đang tiến hành các thủ tục để giải thể) và 5 Phòng nghiệp vụ(trong đó Phòng Khoáng sản-Môi trường được thành lập từ tháng 7/2009).Các Xí nghiệp trực thuộc được phân cấp hạch toán nội bộ(hạch toán đến kết quả cuối cùng, lên bản cân đối riêng), được sử dụng con dấu riêng để giao dịch và mở tài khoản thu chi tại Ngân hàng.

Hiện nay Công ty có vốn điều lệ 85 tỷ đồng và đang sở hữu 58% vốn điều lệ(vốn sở hữu 7.368.700.000đồng) của Công ty cổ phần Hiệp Thành chuyên sản xuất gạch ngói tuynen; sở hữu 35% vốn điều lệ(vốn sở hữu 1.050.000.000đồng) của Công ty cổ phần Hiệp Phú chuyên sản xuất sản phẩm Bentonite.

Tổng số CBCNV 478 người, trong đó lao động nữ 145 người. Lao động có trình độ đại học, cao đẳng về lĩnh vực công nghệ vật liệu, cơ khí, khai thác mỏ, xây dựng, kinh tế, tài chính... 78 người; lao động có trình độ trung cấp 29 người và 327 công nhân kỹ thuật đã qua các lớp đào tạo.

Công ty có Đảng bộ với 5 chi bộ đảng trực thuộc và 58 đảng viên, trong đó có 10 đảng viên nữ. Có tổ chức Công đoàn cơ sở với 6 Công đoàn bộ phận trực thuộc và 440 đoàn viên, trong đó có 120 đoàn viên nữ. Có tổ chức Đoàn TNCS HCM với 98 đoàn viên, trong đó có 31 đoàn viên nữ. Có tổ chức Hội cựu chiến binh với 54 hội viên, trong đó có 2 cựu chiến binh nữ.

Trong năm, Công ty tham gia đóng góp các quỹ xã hội 137.197.000 đồng.

4/Những hạn chế và tồn tại trong SX-KD năm 2009:

-Trong đầu tư không lường định hết những phát sinh về công nghệ, thị trường, năng lực nhà thầu... dẫn đến trong đầu tư không đồng bộ về thiết bị, máy móc phải điều chỉnh bổ sung nhiều lần (dự án đầu tư mở rộng nhà máy chế biến cao lanh Hiệp Tiến, dự án đầu tư nhà máy sứ Hiệp An, dự án đầu tư mở rộng Trạm trộn bê tông Hiệp Lực), hạng mục không sử dụng được gây lãng phí (hạng mục hệ máy cán thô-XN Hiệp Tiến), hạng mục không thực hiện được (hệ thiết bị đóng bao-XN Hiệp Tiến).

-Việc rà soát, xây dựng nhằm hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động tiền lương thực hiện chậm, Các XN chưa quyết liệt triển khai các biện pháp tiết kiệm giảm chi phí nhất là các khoản mục chi phí có tỷ trọng lớn nhằm giảm giá thành sản phẩm và có điều kiện giảm giá bán tạo khả năng cạnh tranh tăng sản lượng sản phẩm tiêu thụ.

-Trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, chiến lược thị trường hàng năm của các Xí nghiệp còn mang tính đối phó, thiếu tính tích cực và thiếu tính quyết liệt trong việc mở rộng qui mô hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác thị trường trong triển khai thực hiện còn thiếu tính hệ thống, tính chuyên nghiệp.

-Sự phối kết hợp giữa các phòng nghiệp vụ Công ty, giữa các phòng nghiệp vụ Công ty với các Xí nghiệp trực thuộc trong công tác quản lý điều hành, kiểm soát và xử lý công việc còn hạn chế dẫn đến nhiều công việc triển khai thực hiện chậm, không kịp thời.

II/NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010:

1/NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ HẠN CHẾ:

-Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010 vẫn còn bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới và chịu sự tác động về giá cả thị trường. Giá nhiên liệu, vật tư chuyên dùng có xu hướng biến động tăng và tỷ lệ tăng giá cao hơn khi giảm giá. Tính cạnh tranh của thị trường ngày càng quyết liệt hơn về chất lượng sản phẩm, giá cả, phương thức thanh toán... đòi hỏi phải giảm giá bán sản phẩm, tăng thời gian dư nợ và giá trị dư nợ mới cạnh tranh được.

-Nguồn nhân lực: Nhân sự kỹ thuật, công nghệ, quản lý điều hành còn thiếu chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của công ty. Việc thiết lập các cơ chế, mô hình đề tự hoàn thiện và thiết lập các qui trình làm việc hiệu quả còn hạn chế.

-Năm 2008-2009 công ty đã tập trung đầu tư phát triển sản xuất, nhưng ở một số dự án đầu tư chưa đồng bộ về thiết bị máy móc nên còn hạn chế về phát huy hiệu quả sau đầu tư.

-Tình hình tài chính của công ty còn nhiều khó khăn, nguồn vốn cho đầu tư phát triển sản xuất, nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn cịn lệ thuộc nhiều vào nguồn vay của các tổ chức tín dụng.

2/ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010:

-Tập trung hoàn thiện các dự án đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư chiều sâu đã được HĐQT phê duyệt và phát huy tối ưu năng lực sản xuất, hiệu quả sau đầu tư.

-Thực hiện đầu tư chiều sâu cho các XN có lợi thế về kỹ thuật, công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thị trường... nhằm tạo sản phẩm mới, đa dạng hoá sản phẩm, ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng sản xuất-tiêu thụ để đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

-Đầu tư cho công tác thâm nhập, phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu nhằm tăng sản lượng sản phẩm tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận và phát huy được tối đa năng lực sản xuất sau đầu tư.

-Rà soát để hoàn thiện và tối ưu mô hình tổ chức công ty, mô hình tổ chức của các XN trực thuộc, đảm bảo bộ máy tinh gọn và tăng tính hiệu quả của hệ thống quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

3/MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010:

3.1/Doanh thu trước thuế tối thiểu: 150 tỷ đồng, tăng 29,09% so với năm 2009

Trong đó: Doanh thu xuất khẩu: 1.500.000USD tăng 71% so với năm 2009

3.2/Lợi nhuận tối thiểu: 15 tỷ đồng tăng 57,52% so với năm 2009

3.3/Mức cổ tức tối thiểu 12% trên vốn hiện hữu 85 tỷ đồng

3.4/Sản phẩm sản xuất:

-Đá các loại: 165.000m³

-Gạch tuynen: 60.800.000kg

-Bê tông thương phẩm: 24.500m³

-Cao lanh HTK các loại (độ ẩm 2%): 15.756tấn

-Cao lanh DQK các loại (độ ẩm 32%): 20.000tấn

-Vật liệu chịu lửa: 9.332tấn, trong đó ống sứ chịu nhiệt: 2.000tấn

-Bentonite: 30.000m³

3.5/Sản phẩm tiêu thụ:

-Đá các loại: 165.000m³

-Gạch tuynen: 60.800.000kg

-Bê tông thương phẩm: 24.500m³

-Cao lanh HTK các loại (độ ẩm 2%): 15.486tấn

-Cao lanh DQK các loại (độ ẩm 32%): 8.627tấn, số cịn lại sử dụng nội bộ

-Vật liệu chịu lửa: 6.555tấn, trong đó ống sứ chịu nhiệt: 2.000tấn

-Bentonite: 30.000m³

4/CÁC BIỆN PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2010:

4.1 Tập trung rà soát các dự án đã đầu tư để có biện pháp khắc phục những hạn chế phát sinh và điều chỉnh bổ sung hợp lý nhằm bảo đảm tính đồng bộ thiết bị máy móc của dây chuyền sản xuất để phát huy tối đa năng lực sản xuất. Tăng cường công tác giám sát nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt và đưa vào vận hành sớm để phát huy hiệu quả sau đầu tư.

4.2 Hình thành bộ phận chuyên nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới chất lượng cao, các sản phẩm khách hàng yêu cầu (trực thuộc phòng Kỹ thuật-sản xuất Công ty) và được bố trí nguồn kinh phí riêng để tổ chức triển khai thực hiện. Sau khi sản phẩm sản xuất được khách hàng chấp nhận thì chuyển giao quy trình sản xuất cho các XN có liên quan để tổ chức sản xuất và lập kế hoạch đầu tư chiều sâu (nếu thấy cần thiết) để trình HĐQT xem xét phê duyệt nhằm thực hiện chủ trương đa dạng hoá sản phẩm trong sản xuất kinh doanh.

4.3 Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện nghiêm ngặt quy trình sản xuất, quy trình vận hành máy móc thiết bị nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm sản xuất đã công bố và cam kết với khách hàng, tránh xảy ra sự cố kỹ thuật và tai nạn lao động.

4.4 Thực hiện rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật để điều chỉnh bổ sung đối với các XN đã có định mức kinh tế kỹ thuật, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật ở các XN vận hành sản xuất sau đầu tư, xây dựng và rà soát lại định mức lao động tiền lương cho tất cả các XN trực thuộc nhằm kiểm soát được tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, chi phí trong quá trình sản xuất và có biện pháp tiết kiệm, giảm giá thành; làm cơ sở cho công tác quản lý, kiểm tra giám sát của công ty, quyết toán sản xuất kinh doanh và để phục vụ cho việc xây dựng, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

4.5 Kiện toàn bộ máy kế toán toàn công ty kể cả số lượng và chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, thực hiện thu nộp nội bộ đầy đủ, kịp thời để đảm bảo việc sử dụng vốn, tài sản an toàn hiệu quả và hạn chế ở mức thấp nhất nợ dây dưa khó đòi phát sinh.

4.6 Cân đối nguồn vốn sau phát hành cổ phiếu và khai thác các nguồn tài chính để đảm bảo vốn cho đầu tư phát triển sản xuất và vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Xem xét

khả năng vốn của từng XN để có chính sách về dư nợ và thời gian thanh toán bán hàng nhằm hỗ trợ cho khách hàng để tăng được sản lượng sản phẩm tiêu thụ.

4.7 Thực hiện khảo sát tìm kiếm phát triển vùng nguyên liệu mới phục vụ cho sản xuất trước mắt và lâu dài của công ty, mở rộng vùng mỏ cao lanh Đa Quý thêm 7ha, mở rộng vùng mỏ cao lanh cho XN Hiệp Tiến thêm 10-15ha, tìm kiếm mỏ đá thay thế mỏ đá Định An để hết hạn khai thác, tìm kiếm mỏ sét và một số mỏ khoáng sản khác có nhu cầu cho sản xuất.

4.8 Tăng cường công tác thâm nhập phát triển thị trường, quảng bá thương hiệu. Tập trung thâm nhập phát triển thị trường cho sản phẩm mới, sản phẩm chất lượng cao...(cao lanh cho sơn, cao lanh bột, sạn samôt, sứ dị hình, gạch chịu lửa các loại...)nhằm tăng sản lượng tiêu thụ sau đầu tư, phát huy được năng lực sản xuất, khấu hao tài sản và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Vận dụng linh hoạt chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng để phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ.

4.9 Thực hiện rà soát để hoàn thiện và tối ưu mô hình tổ chức công ty, mô hình tổ chức các XN trực thuộc đảm bảo bộ máy tinh gọn và tăng tính hiệu quả của hệ thống quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Điều chỉnh bổ sung quy chế trả lương trên cơ sở xác định trách nhiệm, quyền hạn và hiệu quả công việc đối với từng chức danh nhằm tạo tính năng động, sáng tạo và nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao.

CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & VLXD LÂM ĐỒNG

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Xuân Sơn (đã ký)

Nơi nhận:

-Đại hội cổ đông

-Lưu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2009

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2009	THỰC HIỆN SXKD 2008	THỰC HIỆN SXKD 2009	KH2010	So sánh		
							TH2009/TH2008	TH2009/KH2009	KH2010/TH2009
I	SẢN XUẤT								
1	Đá cát loại	m3	151,000	143,183	164,593	165,000	114.95	109.00	100.25
2	Kao lanh HTK các loại (độ ẩm 2%)	Tấn	11,838	11,962	14,925	15,756	124.77	126.08	105.57
3	Kao lanh DQK các loại (độ ẩm 32%)	Tấn	11,000	11,786	8,688	20,000	73.71	78.98	230.21
4	Vật liệu chịu lửa	Tấn	3,800	3,162	5,008	9,332	158.38	131.79	186.35
	+ Trong đó Ống sứ	Tấn	1,700	1,085	1,359	2,000	125.21	79.91	147.22
5	Gạch tuynen	1,000 kg	40,534	51,556	39,474	60,800	76.56	97.38	154.03
6	Bê tông	m3	21,300	15,225	23,214	24,500	152.48	108.99	105.54
7	Bentonite	m3	30,000	20,253	23,046	30,000	113.79	76.82	130.17
II	TIÊU THỤ								
1	Đá cát loại	m3	154,000	145,589	174,894	165,000	120.13	113.57	94.34
2	Kao lanh HTK các loại (độ ẩm 2%)	Tấn	10,790	11,672	14,510	15,486	124.31	134.48	106.73
3	Kao lanh DQK các loại (độ ẩm 32%)	Tấn	6,741	8,729	5,510	8,627	63.12	81.74	156.57
4	Vật liệu chịu lửa	Tấn	3,800	1,847	2,080	6,555	112.62	54.74	315.12
	+ Trong đó Ống sứ	Tấn	1,700	1,095	1,237	2,000	112.93	72.74	161.74
5	Gạch tuynen	1,000 kg	47,012	44,937	40,975	60,800	91.18	87.16	148.38
6	Bentonite	m3	30,000	20,253	23,046	30,000	113.79	76.82	130.17
III	DOANH THU	Triệu đ	120,000	101,149	116,197	150,000	114.88	96.83	129.09
	+ Trong đó doanh thu xuất khẩu	USD	1,500,000	782,112	877,156	1,500,000	112.15	58.48	171.01
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Triệu đ	10,000	7,604	9,522	15,000	125.24	95.22	157.52
V	NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	Triệu đ	4,000	3,774	7,628		202.13	190.71	-

Đà Lạt, ngày 12 tháng 3 năm 2010

CTY CP KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Xuân Sơn (Đã ký)